

Bản án số: 14/2026/HSST
Ngày 24-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Siu Tơ Lul.

Ông Đặng Trung Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Huyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Xuân D**; sinh ngày 21-12-2001 tại tỉnh Đắk Lắk; giới tính: nam; căn cước công dân số 066201013420; nơi cư trú: **Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: không; trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1976, họ tên mẹ: **Võ Thị T**, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Ngày 29-8-2025, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại **thôn L, xã I, tỉnh Gia Lai**. Ngày 05-11-2025, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh G** khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày bị khởi tố đến nay. Có mặt.

2. **Nguyễn Thế H1**; sinh ngày 27-10-1997 tại tỉnh Đắk Lắk; giới tính: nam; căn cước công dân số 066097009047; nơi cư trú: **Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: không; trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: **Nguyễn Thế H2**, sinh năm 1968, họ tên mẹ: **Lê Thị T1**, sinh năm 1972; họ tên vợ: **Trần**

Mai V, sinh năm 1999, có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: không.

Ngày 29-8-2025, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại **thôn L, xã I, tỉnh Gia Lai**. Ngày 05-11-2025, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh G** khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày bị khởi tố đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Quang T2; sinh ngày 12-02-2007 tại tỉnh Đắk Lắk; giới tính: nam; căn cước công dân số 066207013110; nơi cư trú: **Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: không; trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: **Nguyễn Quang L**, sinh năm 1968, họ tên mẹ: **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1983; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Ngày 29-8-2025, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại **thôn L, xã I, tỉnh Gia Lai**. Ngày 05-11-2025, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh G** khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày bị khởi tố đến nay. Có mặt.

Bị hại: Ông **Nguyễn Hữu T3**, sinh năm 1974; căn cước công dân số 040074005227; địa chỉ: **thôn L, xã I, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Minh H4**, sinh năm 1975; căn cước công dân số 040075019167; địa chỉ: **Số A N, Thôn A, phường T, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29-8-2025, **Nguyễn Quang T2, Nguyễn Thế H1** và **Nguyễn Xuân D** đi đến cửa hàng ô tô “Đình Hải” của ông **Trần Minh H4**. Tại đây, **H1** đã thuê chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C-334.40, nhãn hiệu NISSAN, loại xe tải Pickup cabin kép với mục đích cùng **D** và **T2** đi sang địa phận tỉnh Gia Lai để thu mua quả cau tươi. Sau khi thuê được xe, **H1** điều khiển xe chở **D** và **T2** đi đến các vườn cau trên địa bàn **xã I, tỉnh Gia Lai** để hỏi mua cau nhưng do cau còn non nên không thu mua được. Sau đó, cả ba đi đến vườn cau của ông **Nguyễn Hữu T3** tại **thôn L, xã I, tỉnh Gia Lai** để xem cau. Khi đến nơi, cả ba ngồi trong xe ô tô quan sát thì thấy cau nhà ông **T3** đã đến độ thu hoạch, tuy nhiên vì trời đã tối nên cả ba đi ra quán của anh **Huỳnh Thanh T4** tại **thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai** để uống nước. Trong lúc nói chuyện ở đây, **D** đã rủ **H1** và **T2** đi vào vườn nhà ông **T3** để cắt trộm cau nhằm bán bù vào khoản tiền thuê xe và chi phí đi lại thì **H1** và **T2** đồng ý, nhưng vì còn sớm nên cả ba đã đợi đến đêm tối. Khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày, **H1** điều khiển xe chở **D** và Trường quay lại vườn cau của ông **T3**, đến nơi thì **H1** dừng xe ở ngoài đường, cạnh vườn của ông **T3**, **H1**

đội bên ngoài còn T2 và D trèo qua hàng rào lưới B40 để vào vườn. Trong vườn cau, D dùng một đoạn dây vải dài 82cm, hai đầu dây được nối với nhau, D xỏ hai chân vào sợi dây để trèo lên cây rồi dùng một con dao Thái Lan dài 21,4cm cắt buồng cau, sau đó D mang xuống gom lại từng đồng để T2 lần lượt bê cau ra ngoài bỏ vào thùng xe, khi đó H1 trèo lên thùng xe để sắp xếp lại những buồng cau cho gọn. Trong khoảng một giờ đồng hồ, tổng cộng D đã trèo lên 50 cây cau và cắt được 50 buồng cau. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, D, H1 và T2 mang số cau trên đi về nhà rẫy của D ở Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk để cất giấu. Đến khoảng 11 giờ ngày 30-8-2025, D và H1 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47C-334.40 mang toàn bộ số cau đã trộm cắp được từ vườn cau của ông T3 bán cho một người đàn ông thu mua cau dạo (hiện chưa rõ lai lịch) ở xã E, tỉnh Đắk Lắk. Số cau này cân được trọng lượng tổng cộng là 210kg và bán được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). D, H1 và T2 chia nhau mỗi người 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) còn lại thì cả ba sử dụng để chi trả cho việc thuê xe ô tô, đổ xăng và ăn uống.

Ngày 05-9-2025, ông T3 đến Công an xã I trình báo sự việc bị mất trộm cau. Sau khi kiểm tra, xác minh, Công an xã đã mời D, H1, T2 đến làm việc và cả ba đã khai nhận hành vi vi phạm của mình. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G để thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 31-10-2025 của Hội đồng Định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự xã I, tỉnh Gia Lai kết luận: Trị giá 210kg quả cau tươi, loại cau cao, đang vào độ thu hoạch vào ngày 29-8-2025 là 7.980.000 đồng (Bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

(Bút lục số 38-57: Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường; bút lục số 59-60: Kết luận định giá tài sản; bút lục số 66: Kết quả tra cứu hình ảnh xe ô tô; bút lục số 93-127: Biên bản ghi lời khai, bản tự khai, biên bản hỏi cung bị can; bút lục số 128-130: Biên bản ghi lời khai bị hại; bút lục số 131-141: Biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 21-01-2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân D, Nguyễn Thế H1 và Nguyễn Quang T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2017 và 2025 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự).

Diễn biến phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân D, Nguyễn Thế H1 và Nguyễn Quang T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

Áp dụng Điều 38; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Xuân D** từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng; bị cáo **Nguyễn Thế H1** từ 08 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 24 tháng; bị cáo **Nguyễn Quang T2** từ 08 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 24 tháng.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy đối với 01 con dao Thái Lan dài 21,4cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,6cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 02cm, cán dao bằng nhựa màu vàng dài 9,8cm, nơi rộng nhất của cán dao là 02cm và 01 đoạn dây bằng vải có chiều dài 82cm, dày 0,2cm, rộng 4,5cm, hai đầu dây được nối lại với nhau thành hình tròn có đường kính là 23cm, hai đầu dây được nối với nhau bằng 03 chiếc đinh kim loại màu đen. **Nguyễn Xuân D** đã sử dụng con dao và đoạn dây này để trèo lên cây và cắt trộm Cau tại vườn của ông **Nguyễn Hữu T3** vào ngày 29-8-2025.

Về dân sự: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo **Nguyễn Xuân D**, **Nguyễn Thế H1** và **Nguyễn Quang T2** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng.

Ý kiến của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác:

Các bị cáo đều thống nhất với nội dung bản Cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai, không có ý kiến tranh luận và xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có ý kiến khiếu nại hoặc kêu oan của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nên các hành vi, quyết định tố tụng do cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội các bị cáo: Quá trình xét hỏi, thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi đã thực hiện như nội dung của bản Cáo trạng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ xác định vào hồi 22 giờ 20 phút ngày 29-8-2025 tại thôn L, xã I, tỉnh Gia Lai, các bị cáo Nguyễn Xuân D, Nguyễn Thế H1 và Nguyễn Quang T2 đã lén lút cắt trộm 50 buồng cau, tổng trọng lượng 210kg trong vườn của ông Nguyễn Hữu T3 để bán lấy tiền chi trả cho việc thuê xe, chi phí đi lại khi đi mua cau. Theo kết luận định giá tài sản thì số cau các bị cáo đã cắt trộm của ông T3 trị giá 7.980.000 đồng (Bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

[3] Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Các bị cáo Nguyễn Xuân D, Nguyễn Thế H1 và Nguyễn Quang T2 có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả xảy ra nhưng vẫn thực hiện; hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của ông Nguyễn Hữu T3; tài sản chiếm đoạt trị giá trên 2.000.000 đồng nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 21-01-2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân D, Nguyễn Thế H1 và Nguyễn Quang T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan, sai.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vị trí, vai trò của các bị cáo trong việc thực hiện tội phạm: Tội phạm các bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mang tính đồng phạm giản đơn. Bị cáo D là người khởi xướng, rủ rê để cả ba bị cáo tham gia trộm cắp tài sản của ông T3. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ, vị trí, vai trò của từng người trong quá trình thực hiện tội phạm.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả cho ông Nguyễn Hữu T3 với tổng số tiền 15.000.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được ông T3 xin giảm nhẹ hình phạt (Bút lục số 129, 130). Vì vậy, các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo bị đề nghị xử phạt không quá 03 năm tù; có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, nếu không bắt đi chấp hình phạt tù thì cũng có khả năng tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo trong trường hợp bị kết án phạt tù. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng hình phạt tù cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp: Không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho ông Nguyễn Hữu T3 tổng số tiền 15.000.000 đồng, ông T3 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Đối với 02 (hai) chiếc thẻ nhớ dung lượng 01GB màu xanh, bên trên có ghi chữ “SD ELITE PRO”, được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G niêm phong trong bì thư theo quy định và được lưu trữ trong hồ sơ vụ án tại các Bút lục số 64 và 68. Đây là vật chứng có giá trị chứng minh tội phạm nên cần tiếp tục bảo quản, lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[10.2] Đối với 01 (một) con dao Thái Lan dài 21,4cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,6cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 02cm, cán dao bằng nhựa màu vàng dài 9,8cm, nơi rộng nhất của cán dao là 02cm; 01 (một) đoạn dây bằng vải có chiều dài 82cm, dày 0,2cm, rộng 4,5cm, hai đầu dây được nối lại với nhau thành hình tròn có đường kính là 23cm, hai đầu dây được nối với nhau bằng 03 (ba) chiếc đinh kim loại màu đen. Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[10.3] Đối với 01 (một) chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C-334.40, nhãn hiệu NISSAN, loại xe tải pickup cabin kép là xe của ông Trần Minh H4 mua lại nhưng chưa hoàn tất thủ tục sang tên. Vào ngày 29-8-2025, khi cho các bị cáo H1, D và T2 thuê xe thì ông H4 không biết các bị cáo sẽ sử dụng xe vào mục đích gì. Ông H4 cũng không biết việc các bị cáo sử dụng xe để trộm cắp cau tại vườn của ông

Nguyễn Hữu T3. Do đó, Cơ quan điều tra không thu giữ, xử lý đối với chiếc xe ô tô này là đúng pháp luật.

[11] Về các vấn đề khác:

[11.1] Đối với hành vi của ông **Trần Minh H4**: Vào năm 2024, ông **H4** mua lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C-334.40, nhãn hiệu NISSAN, loại xe tải pickup cabin kép từ ông **Phan Thiên L1** (sinh năm 1978; trú tại **Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk**). Từ khi mua xe đến nay ông **H4** chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Vào ngày 29-8-2025, khi cho các bị cáo **H1**, **D** và **T2** thuê chiếc xe ô tô này thì ông **H4** không biết các bị cáo sẽ sử dụng xe vào mục đích gì. Ông **H4** cũng không biết việc các bị cáo sử dụng xe để trộm cắp cau tại vườn của ông **Nguyễn Hữu T3** nên hành vi của ông **H4** không đồng phạm với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Đối với việc ông **H4** chưa làm thủ tục sang tên quyền sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 47C-334.40 sau khi mua lại xe từ người khác là vi phạm quy định tại điểm h khoản 7 Điều 32 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26-12-2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh G** đã đề nghị **Phòng C Công an tỉnh Đ** xử phạt vi phạm hành chính đối với ông **H4** về hành vi này là đúng pháp luật.

[11.2] Đối với người đàn ông đã mua cau từ các bị cáo **D** và **H1** vào ngày 30-8-2025, theo lời khai của các bị cáo thì các bị cáo gặp người này lần đầu và không biết người này là ai, địa chỉ ở đâu. Việc mua bán cau diễn ra vào ban ngày, người này thu mua cau theo giá thị trường và các bị cáo không nói cho người này biết số cau các bị cáo mang đến bán là tài sản do vi phạm pháp luật mà có. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người đàn ông này là ai. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với người đàn ông này.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Xuân D**, **Nguyễn Thế H1** và **Nguyễn Quang T2** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

2. Căn cứ Điều 38; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

2.1. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân D** 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24-3-2026).

2.2. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế H1** 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24-3-2026).

2.3. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang T2** 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24-3-2026).

Giao các bị cáo **Nguyễn Xuân D**, **Nguyễn Thế H1** và **Nguyễn Quang T2** cho Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 .

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

3.1. Tiếp tục bảo quản, lưu trữ theo hồ sơ vụ án 02 (hai) chiếc thẻ nhớ dung lượng 01GB màu xanh, bên trên có ghi chữ “SD ELITE PRO”, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh G** niêm phong trong bì thư tại các Bút lục số 64 và 68 của hồ sơ vụ án.

3.2. Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng được giao nhận, bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29-01-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh G** và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11, tỉnh Gia Lai gồm:

- 01 (một) con dao Thái Lan dài 21,4cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,6cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 02cm, cán dao bằng nhựa màu vàng dài 9,8cm, nơi rộng nhất của cán dao là 02cm.

- 01 (một) đoạn dây bằng vải có chiều dài 82cm, dày 0,2cm, rộng 4,5cm, hai đầu dây được nối lại với nhau thành hình tròn có đường kính là 23cm, hai đầu dây được nối với nhau bằng 03 (ba) chiếc đinh kim loại màu đen.

4. Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo **Nguyễn Xuân D**, **Nguyễn Thế H1** và **Nguyễn Quang T2** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm án để sung vào ngân sách nhà nước (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11, tỉnh Gia Lai).

5. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- CQCSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- CQTHAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 - Gia Lai;
- PTHADS Khu vực 11 - Gia Lai;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Võ Tiến Sỹ